

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2023/HS-PT
Ngày 06-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5 và 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 740/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo H'Dô và bị cáo K'Krang, do có kháng cáo của 02 bị cáo đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 36/2022/HS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. H, sinh năm 1970 tại tỉnh Đắk Nông, nơi cư trú: Bon Sa Ú (nay là Thôn G), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mạ; giới tính: nữ; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; con ông K và bà M (đều đã chết); có chồng là K1 và 05 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2022 đến ngày 13/4/2022, tại ngoại. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. K1, sinh năm 1965 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Bon Sa Ú (nay là Thôn G), xã Q, huyện Đ tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mạ; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn 9/12, con ông K2 (đã chết) và bà H1 có vợ là H và 05 con; tiền án, tiền sự không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2022 đến ngày 13/4/2022, tại ngoại. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Ông Huỳnh Tấn Đ - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H.

+ Ông Nguyễn Thanh G - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H.

Những người bào chữa vắng mặt vào ngày khai mạc phiên tòa, có mặt vào ngày tuyên án.

Vụ án còn có bị cáo Phạm Thị H2 và những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, Hội đồng xét xử không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2020, tại bon Sa Ú D, xã Q, huyện Đ, Phạm Thị H2 bắt đầu có ý định hoạt động cho vay tiền với lãi suất từ 4.000 đồng/triệu/ngày đến 6.000 đồng/triệu/ngày. Để tìm kiếm khách hàng cần vay tiền, tháng 6/2020, Phạm Thị H2 móc nối với vợ chồng K.Krang và H (hàng xóm của H2) để cùng hoạt động cho vay tiền. Hai bên thống nhất khi có khách đến vay tiền thì K1 và H sẽ trực tiếp giao dịch thỏa thuận, sau đó H báo cho H2 biết lượng tiền cho vay để H2 chuyển tiền đến cho K1 và H đưa cho người vay. Huyền tính lãi suất đối với các khoản vay của K1 và H là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 0.4%/ngày, 146% năm), H2 không viết giấy vay tiền khi cho K1 và H vay tiền. Sau khi vay tiền của Phạm Thị H2, vợ chồng K1 và H sẽ đưa cho khách vay tiền với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương lãi suất 0.5%/ngày; 183%/năm).

Từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021, Phạm Thị H2 cho K1 và H vay 04 lần với tổng số tiền 602.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 0.4%/ngày; 146% năm) cao hơn 05 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tổng tiền lãi đã thu về 333.576.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 48.305.076 đồng, thu lợi bất chính số tiền 285 270.924 đồng, còn đối với số tiền gốc 602.000.000 đồng K'Krang và H đã trả hết cho Phạm Thị H2. Cụ thể như sau:

- Ngày 24/10/2020, vay 30.000.000 đồng, thời gian vay 17 ngày, tiền lãi đã nhận 2.040.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 279.429 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.760.571 đồng.

- Ngày 10/11/2020, vay 300.000.000 đồng, thời gian vay là 42 ngày, tiền lãi đã nhận là 41.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 6.903.540 đồng, thu lợi bất chính số tiền 34.096.460 đồng.

- Ngày 11/11/2020, vay thêm số tiền 170.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng (cộng thêm khoản vay ngày 24/10/2020 là 30.000.000 đồng), thời hạn vay là 60 ngày. Tiền lãi đã nhận là 45.960.000 đồng trong đó tiền lãi hợp pháp là 6.574.800 đồng, thu lợi bất chính số tiền 39.385.200 đồng. K'Krang và H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi.

- Ngày 08/12/2020; vay 102.000.000 đồng, thời gian vay là 14 ngày, số tiền lãi đã nhận là 9.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 782.401 đồng, thu lợi bất chính số tiền 8.217 599 đồng.

- Đến ngày 22/12/2020, giữa H2, K1 và H thống nhất cộng hai khoản vay 300.000.000 đồng (ngày 10/11/2020) và khoản vay 102.000.000 đồng (ngày 08/12/2020) là 402.000.000 đồng, H2 cho K1 và H vay đến ngày 03/02/2021 (41 ngày), tiền lãi mà K1 và H phải trả cho H2 là 55.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn K1 và H chưa trả tiền lãi nhưng trả cho H2 250.000.000 đồng tiền gốc (bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất). Lúc này K1 và H còn nợ H2 55.000.000 đồng tiền lãi và 152 000.000 đồng tiền gốc. Khoản tiền gốc 152.000.000 đồng H2 tiếp tục tính lãi suất như đã thỏa thuận đến ngày 30/11/2021 với thời hạn 297 ngày, tiền lãi mà H2 đã nhận của khoản vay này là 180.576.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 24.734.398 đồng, thu lợi bất chính số tiền 155.841.602 đồng, đồng thời K1 và H cũng trả cho H2 số tiền lãi còn nợ 55.000.000 đồng trong đó số tiền lãi hợp pháp là 9.030.488 đồng, thu lợi bất chính số tiền 45.969.512 đồng. Đến nay, K1 và H đã trả đủ tiền lãi và tiền gốc cho Phạm Thị H2 (bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

Sau khi vay tiền của Phạm Thị H2, K1 và H cho một số người khác vay lại, tính từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021, K1 và H đã cho 02 cá nhân vay tiền với tổng số tiền là 602.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương lãi suất 0.5%/ngày; 183%/năm) cao hơn 05 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi đã thu là 196.670.000 đồng trong đó tiền lãi hợp pháp là 35.156.540 đồng, thu lợi bất chính số tiền 161.513.460 đồng; K1 và H đã nhận được số tiền gốc là 341.330.000 đồng.

- K'Krang và H cho bà H3 vay 02 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương lãi suất 05%/ngày, 183% năm). Tổng số tiền lãi đã thu là 91.670.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 18.440.111 đồng thu lợi bất chính số tiền 73.229.889 đồng. Cụ thể như sau:

+ Ngày 24/10/2020, cho vay 30.000:000 đồng, thời gian vay là 17 ngày (ngày 11/11/2020), số tiền lãi đã thu là 2.550.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 279.429 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 2 270.571 đồng. H'Ranh chưa trả tiền gốc.

+ Từ ngày 11/11/2020, cho vay 170.000.000 đồng, cộng thêm tiền gốc 30.000.000 đồng của lần vay ngày 24/10/2020, tổng số tiền cho vay là

200.000.000 đồng, tính đến ngày 11/01/2021, thời gian vay là 60 ngày, số tiền lãi đã thu là 51.120.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 6.574.800 đồng, thu lợi bất chính số tiền 44.545 200 đồng. Bà H3 đã trả tiền gốc là 146.330.000 đồng, nợ lại số tiền 53.670.000 đồng. Số tiền gốc này, K1 và H tiếp tục tính tiền lãi cho bà H3 từ ngày 11/01 2021 đến ngày 10/02/2022 (394 ngày) H'Ranh trả cho K1 và H số tiền lãi là 38.000.000 đồng trong đó tiền lãi hợp pháp là 11.585.882 đồng thu lợi bất chính số tiền là 26.414.118 đồng

- K1 và H cho ông K3 vay 02 lần với tổng số tiền 402.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng triệu/ngày (tương đương lãi suất 05%/ngày, 183%/năm) Tổng số tiền lãi đã thu là 105.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 16.716.429 đồng, thu lợi bất chính số tiền 88.283.571 đồng. Cụ thể như sau

+ Ngày 10/11/2020 cho vay 300.000.000 đồng, thời gian vay là 42 ngày, hai bên có viết giấy vay tiền, số tiền lãi đã thu là 41.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 6.903.540 đồng, thu lợi bất chính số tiền 34.096.460 đồng. Khoản vay này, ông K3 đứng ra mượn tiền cho ông K4 và thế chấp cho K1 và H'Dô 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông K4 và ông K3 chưa trả tiền gốc

+ Ngày 08/12 2020, cho vay 102.000.000 đồng, thời gian vay là 14 ngày (ngày 22/12/2020), hai bên có viết giấy vay tiền, tiền lãi đã thu là 9.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 782.401 đồng, thu lợi bất chính số tiền 8.217.599 đồng, ông K3 chưa trả tiền gốc

Đối với 02 khoản vay này, đến ngày 22/12/2020, ông K3 chưa trả được tiền gốc nên K1 và H tiếp tục tính tiền lãi đến ngày 03/02/2021 (41 ngày), số tiền lãi đã thu là 55.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 9.030.488 đồng, thu lợi bất chính số tiền 45.969 512 đồng. Khoản vay này ông K3 vay giúp cho ông K4, đến hạn không có tiền trả cho ông K3, ông K4 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho K1 và H với giá 250.000.000 để cân trừ nợ, số tiền nợ còn lại là 207.000.000 đồng.

Như vậy, Phạm Thị H2 cho K1 và H vay 04 lần tổng số tiền Là giao dịch là 602.000.000 đồng, thu lãi số tiền là 333.576.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 48.305.076 đồng, thu lợi bất chính số tiền 285.270.924 đồng. Sau khi vay tiền của Phạm Thị H2, K1 và H cho bà H3 và ông K3 vay 04 lần với tổng số tiền giao dịch là 602.000.000 đồng, thu lãi số tiền là 196.670.000 đồng trong đó tiền lãi hợp pháp là 35.156.540 đồng, thu lợi bất chính số tiền 161.513.460 đồng

Kết luận giám định số 14/GĐTL-PC09 ngày 18/02/2022 của Phòng K6 Công an tỉnh Đ kết luận:

+ Chữ viết phần nội dung trên tờ đánh số 02 cuốn vở ô ly dạng vở học sinh, nhân hiệu Thành Đạt so với chữ viết của Phạm Thị H2 trên Bản tự khai của Phạm Thị H2 do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết (số) phần nội dung thuộc lề trái và các chữ số trên mặt sau tờ đánh 05, 06, 07 cuốn vở ô ly dạng vở học sinh, nhãn hiệu Thành Đạt so với chữ viết của K'Krang trên Bản tự khai của K1 do cùng một người viết ra.

Cáo trạng số: 27/CT-VKS-P1 ngày 05/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Huyền, H'Dô và K'Krang về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2022/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị H2, K1 và H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1. Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị H2 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

2 Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản Điều 52, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K1 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 200 000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ trả lại những đồ vật, tài sản không liên quan đến vụ án tại Quyết định số 13 ngày 07/6/2022, cụ thể: trả lại cho chủ sở hữu tài sản K'Krang 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên K1 và H'Dô số CI 375362 và CI 375817; chị H4 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Văn N và H'Mạch số BU 320232, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên H'Jiêng số DA 085968 và giấy chứng nhận mang tên H'Jiêng số DA 177554; trả lại cho Phạm Thị H2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị H2 số DB 165704 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên K'Dọp số DA 177800.

Đối với Phạm Thị H2: truy thu số tiền mà Phạm Thị H2 đã cho K1 và H vay là 602.000.000 đồng, được trừ số tiền 100.000.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông (các Biên lai số 0000142 và 000143), còn phải tiếp tục truy thu số tiền 502.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Phạm Thị H2 đã thu của K1 và H là 48.305.076 đồng sung vào ngân sách. Tịch thu tiền thu lợi bất chính mà H2 có được từ việc cho vay lãi nặng là 285.270.944 đồng sung và ngân sách.

Đối với các bị cáo K1 và H:

Truy thu số tiền 341.330.000 đồng sung vào ngân sách đối với số tiền các bị cáo K1 và H sử dụng để cho bà H3 và ông K3 vay.

Tịch thu số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo K1 và H đã thu của bà H3 và ông K3 là 35.156.540 đồng sung vào ngân sách.

Buộc các bị cáo K1 và H trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 161.513.460 đồng (trả lại bà H3 số tiền là 73.229.889 đồng và ông K3 số tiền là 88.283.571 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Truy thu số tiền còn nợ 53.670.000 đồng của bà H3 và 207.000.000 đồng của ông K4 sung công quỹ.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 14.000.000 đồng của Phạm Thị H2 và 38.000.000 đồng của K1, H được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ chuyển vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông để đảm bảo thi hành án (ủy nhiệm chi số 07 ngày 12/7/2022).

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen của bị cáo H2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng và 01 điện thoại hiệu ASUS màu nâu của bị cáo K1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của bị cáo H để bảo đảm thi hành án (đặc điểm điện thoại như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ với Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Nông).

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 5306205120660 của Phạm Thị H2 tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 02/LPT-CSHS ngày 15/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ.

Không tiếp tục tiến hành các thủ tục, hồ sơ nhằm chuyển dịch quyền sở hữu và các giao dịch khác có liên quan đến các thửa đất hiện đang đứng tên các bị cáo H2, K1 và H tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo K1 và H phải liên đới chịu 8.075.673 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 26/9/2022, các bị cáo H và K1 cùng có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt do chỉ đóng vai trò thứ yếu, không hưởng lợi và xin xem xét việc xử lý số tiền thu lợi bất chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có cơ sở, hình phạt đã tuyên là tương xứng.

Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình tài liệu nào mới có ý nghĩa giảm nhẹ, bản án sơ thẩm đã ghi nhận đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Những người bào chữa của các bị cáo vắng mặt trong ngày khai mạc phiên tòa và cùng gửi luận cứ bào chữa với nội dung đề nghị chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt và giảm số tiền truy thu đối với các bị cáo và nêu các lý do: các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo rất khó khăn, đều là lao động chính trong gia đình và phải nuôi 05 người con; các bị cáo cũng chỉ là người thừa hành có vai trò thứ yếu, không hưởng lợi nhiều như bị cáo Phạm Thị H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: quá trình tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định, các bị cáo đã tự nguyện khai báo không bị ép cung, nhục hình; các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, đảm bảo tính khách quan, đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Các bị cáo có kháng cáo đã gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối chiếu lời khai của các bị cáo Phạm Thị H2 (BL 302, 303, 342, 343); bị cáo K1 (BL 314, 315, 318, 319); bị cáo H (BL 326, 327, 336, 337...) với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H'Ranh (BL 356 – 359); K'Têh (BL 362 - 365); K'Briu (BL 364 – 367) và Biên bản bắt người có hành vi

phạm tội quả tang thể hiện: trong thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021, bị cáo Phạm Thị H2 cùng với vợ chồng bị cáo H và K1 đã thỏa thuận việc vợ chồng K1 và H tìm người có nhu cầu vay tiền để báo cho Phạm Thị H2, H2 đồng ý thì mới đưa tiền cho K1 và H đưa cho người vay để thu lãi. Mức lãi H2 đặt ra là 4.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 146%/ năm. Sau đó K1, H đã tìm được những người vay là H3 và K3 rồi cho vay tiền với lãi tính theo ngày là 5.000 đồng/triệu/ngày – tương đương 183%/năm. Bị cáo H2 đã giao theo nhiều đợt cho K1 và H tổng cộng là 602.000.000 đồng, K1, H giao lại cho người vay là H3 và K3 đúng số này. Cụ thể:

- Ngày 24/10/2020, H2 đưa cho K1 và H'Dô 30.000.000 đồng trong 17 ngày, tiền lãi được tính là 2.040.000 đồng;

- Ngày 10/11/2020: H2 đưa cho K1 và H'Dô 300.000.000 đồng trong 42 ngày, tiền lãi được tính là 41.000.000 đồng;

- Ngày 11/11/2020: H2 đưa cho K1 và H'Dô 170.000.000 đồng, cộng vào khoản 30.000.000 đồng ngày 24/10/2020 là 200.000.000 đồng trong 60 ngày, tiền lãi được tính là 45.960.000 đồng;

- Ngày 08/12/2020: H2 đưa 102.000.000 đồng trong 14 ngày, tiền lãi được tính là 9.000.000 đồng;

- Ngày 22/12/2020: Huyền cộng khoản tiền 300.000.000 đồng ngày 10/11/2020 với khoản 102.000.000 đồng ngày 08/12/2020 trong 41 ngày, tiền lãi được tính đến ngày 03/02/2021 là 55.000.000 đồng;

K1 và H đã chuyển nhượng đất trị giá 250.000.000 đồng để trả nợ vay và nợ lại 152.000.000 đồng nợ gốc. Bị cáo H2 tính lãi đến ngày 30/11/2021 là 180.576.000 đồng.

Về phía H và K1 đã giao lại tiền vay cho người vay nhiều đợt với thời gian tương ứng:

- Đưa cho H3:

- + Ngày 24/10/2020: 30.000.000 đồng trong 17 ngày, thu lãi 2.550.000 đồng;

- + Ngày 11/11/2020: 170.000.000 đồng và cộng khoản nợ 30.000.000 đồng ngày 24/10/2020 trong 60 ngày, thu lãi 51.120.000 đồng;

- + H'Ranh trả nợ gốc và nợ lại 53.670.000 đồng; H'Dô tính lãi từ 11/01/2021 đến 10/02/2022 là 38.000.000 đồng.

- Đưa cho K3 (vay giúp cho K4):

- + Ngày 10/11/2020: 300.000.000 đồng trong 42 ngày, thu lãi 44.000.000 đồng;

- + Ngày 08/12/2020: 102.000.000 đồng trong 14 ngày thu lãi 09.000.000 đồng. Từ ngày 22/12/2020 đến 03/02/2021 tiền lãi là 55.000.000 đồng.

K'Tễ và K4 đã chuyển nhượng đất trị giá 250.000.000 đồng theo yêu cầu của các bị cáo để trừ nợ, còn nợ lại 207.000.000 đồng.

Theo kết quả điều tra xác định Phạm Thị H2 đã thu lãi từ vợ chồng K1 và H là 333.576.000 đồng, vợ chồng K1, H thu từ 02 người vay trên là 196.670.000 đồng. Như vậy, với thời gian vay tương ứng cho mỗi khoản từ bị cáo H2 sang vợ chồng bị cáo K1, H và từ vợ chồng bị cáo K1, H cho thấy vợ chồng K1, H là trung gian trong việc mang tiền của bị cáo H2 đến cho người vay tiền để hưởng chênh lệch 1.000 đồng/triệu/ngày. Với các chứng cứ đã thu thập hợp pháp, đủ cơ sở để quy kết các bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự do đã cố ý cùng thực hiện hành vi cho vay cao hơn 05 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, thuộc trường hợp đồng phạm và phạm tội từ 02 lần trở lên nên phải cùng chịu trách nhiệm hình sự. Án sơ thẩm đã xác định đúng tội danh và áp dụng điều khoản để xét xử các bị cáo là có cơ sở nhưng chưa xem xét yếu tố đồng phạm, chưa phân hóa vai trò của từng bị cáo và phân biện pháp hành chính để truy thu các khoản tiền gốc sử dụng vào việc phạm tội cũng như tiền lãi đã thu.

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm thì những khoản tiền cần tịch thu sung quỹ nhà nước gồm: tiền hoặc tài sản dùng để cho vay; tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay. Ngoài ra phải trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu.

Trong vụ án này cần xác định số tiền các bị cáo sử dụng để cho vay là 602.000.000 đồng; bị cáo K1, H'Dô theo yêu cầu của bị cáo H2 đã trả bằng tiền mặt và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị cáo H2 bằng đủ số 602.000.000 đồng tiền gốc; tổng số tiền lãi bị cáo H2 đã nhận là 333.576.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 48.305.076 đồng, thu lợi bất chính là 285.270.924 đồng. Nên căn cứ theo hướng dẫn nêu trên thì số tiền 48.305.076 đồng bị tịch thu sung công quỹ, số tiền thu lợi bất chính 285.270.924 đồng được trả về cho người vay tiền. Tuy nhiên, án sơ thẩm buộc H và K1 trả lại số tiền thu lợi bất chính cho bà H3 73.229.899 đồng và ông K3 88.283.571 đồng nên có phần chênh lệch trong khoản tiền nộp cho bị cáo H2 với khoản tiền thu được từ người đi vay. Thấy rằng hành vi của ba bị cáo có sự liên kết với nhau, bị cáo H2 cho hộ dân vay thông qua vợ chồng K1, H và tiền lãi H2 nhận là từ vợ chồng K1, H thu về từ người đi vay, nên nếu tuyên truy thu như quyết định của án sơ thẩm là thu vượt so với khoản tiền thu lợi bất chính mà K1, H thực nhận và chưa phản ánh đúng bản chất vụ việc. Phân trách nhiệm của Phạm Thị H2, án sơ thẩm đã tuyên tịch thu cả 02 khoản tiền 48.305.076 đồng và 285.270.924 đồng sung công quỹ là chưa phù hợp. Do đó cần điều chỉnh lại phần này, cụ thể: buộc Phạm Thị H2 nộp lại tiền thu lợi bất chính là 48.305.076 đồng để sung công quỹ; số tiền 285.270.944 đồng là tiền lãi bị cáo H2 đã nhận từ K1 và H được trả

lại cho người vay tiền bà H3 73.229.899 đồng, ông K3 88.283.571 đồng, phần còn lại của khoản tiền này là 123.765.464 đồng lẽ ra trả lại cho bị cáo K'Rang và H nhưng do liên quan đến hành vi phạm tội nên cũng cần tịch thu sung công quỹ.

Việc truy thu số tiền 53.670.000 đồng của bà H3 và 207.000.000 đồng của ông K4 đối với số tiền ông bà vay nhưng chưa trả cho bị cáo để sung công quỹ là có căn cứ do đây là tiền liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Về yêu cầu kháng cáo: Xét kháng cáo của hai bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét việc xử lý tiền thu lợi bất chính với lý do chỉ là người giữ vai trò thứ yếu, thu nhập không đáng kể: thấy rằng án sơ thẩm đã xác định đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và tuyên phạt tương xứng đối với từng bị cáo. Tuy nhiên, đối với phần xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm là chưa phù hợp. Như đã nhận định, cần xem xét lại các khoản tiền truy thu buộc phải nộp là tiền của bị cáo Phạm Thị H2 đưa để các bị cáo khác giao cho người có nhu cầu vay, khi thu tiền lãi của những người vay hai bị cáo K1, H cũng nộp lại tiền lãi theo thỏa thuận cho bị cáo H2.

Như phân tích trên thì đây là vụ án có yếu tố đồng phạm, án sơ thẩm chưa xem xét để đánh giá về mức độ và vai trò của từng bị cáo là có thiếu sót. Với các chứng cứ đã thu thập đủ để chứng minh các bị cáo đã cố ý cùng thực hiện hành vi cho vay để lấy lãi cao, trong đó bị cáo H2 giữ vai trò chính vì sử dụng tiền để cho vay và hưởng lợi nhiều nhất. Hai bị cáo có kháng cáo là người giúp sức tích cực nên bị áp dụng điều khoản định khung và tuyên hình phạt chính phạt tiền ở mức khởi điểm là phù hợp, không có chứng cứ mới để xem xét giảm nhẹ. Xét về vai trò trong vụ án và mức độ hưởng lợi: các chứng cứ đã thu thập thể hiện bị cáo K1, H không sử dụng tiền cá nhân để cho vay mà sử dụng chính tiền của H2 và cũng đã giao các khoản lãi lại cho bị cáo H2 đúng thỏa thuận. Trách nhiệm nộp lại các khoản tiền bị truy thu chỉ đặt ra đối với bị cáo H2 do là người hưởng lợi chính, còn các bị cáo H và K1 chỉ là người thực hành, hưởng chênh lệch từ số tiền làm trung gian cho bị cáo H2. Do đó các bị cáo này chỉ phải chịu trách nhiệm nộp lại đối với phần tiền lãi thu chênh lệch. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo, sửa án sơ thẩm điều chỉnh lại phần này và bổ sung điều khoản về trường hợp đồng phạm của các bị cáo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm liên quan đến trách nhiệm trả lại một phần số tiền thu lợi cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H3, ông K3 theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đây được xác định là biện pháp tư pháp chứ không phải trách nhiệm bồi thường dân sự. Trong đó, bị cáo H2 là người bị buộc phải hoàn lại số tiền tổng cộng 161.513.460 đồng cho người

vay là bà H3, ông K3 nên không tính án phí trên khoản tiền hoàn lại này như án sơ thẩm đã buộc bị cáo K1 và H liên đới chịu..

Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H và bị cáo K1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- **Áp dụng:**

khoản 2 Điều 201; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; các điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015.

điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH13 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- **Xử phạt:**

Bị cáo H'Dô 200.000.000 đồng;

Bị cáo K'Krang 200.000.000 đồng;

Cùng về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

- **Về biện pháp tư pháp:**

Truy thu số tiền do Phạm Thị H2 đã cho vay là 602.000.000 đồng, được trừ số tiền 100.000.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông (các Biên lai số 0000142 và 000143), bị cáo H2 còn phải tiếp tục nộp 502.000.000 đồng để sung công quỹ;

Buộc Phạm Thị H2 nộp lại tiền thu lợi bất chính là 48.305.076 đồng để sung công quỹ.

Buộc bị cáo Phạm Thị H2 nộp lại số tiền 285.270.944 đồng tiền lãi bị cáo H2 đã nhận do K1 và H giao để trả lại cho người vay tiền H'Ranh 73.229.899 đồng, ông K3 88.283.571 đồng. Phần còn lại của khoản tiền này là 123.765.464 đồng do liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ.

Tịch thu số tiền H và K1 thu lãi mức cao của H3 và K3 là 35.156.540 đồng.

Truy thu số tiền 53.670.000 đồng của bà H3 và 207.000.000 đồng của ông K' Briu còn nợ các bị cáo để sung công quỹ.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ trả lại những đồ vật, tài sản không liên qua đến vụ án tại Quyết định số 13 ngày 07/6/2022, cụ thể: trả lại cho chủ sở hữu tài sản K'Krang 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên K1 và H'Dô số CI 375362 và CI 375817; chị H4 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Văn N và H'Mạch số BU 320232, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên H'Jiêng số DA 085968 và giấy chứng nhận mang tên H'Jiêng số DA 177554; trả lại cho Phạm Thị H2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị H2 số DB 165704 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên K'Dọp số DA 177800.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 14.000.000 đồng của Phạm Thị H2 và 38.000.000 đồng của K1, H được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ chuyển vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông để đảm bảo thi hành án (ủy nhiệm chi số 07 ngày 12/7/2022).

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen của bị cáo H2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng và 01 điện thoại hiệu ASUS màu nâu của bị cáo K1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của bị cáo H để bảo đảm thi hành án (đặc điểm điện thoại như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ với Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Nông).

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 5306205120660 của Phạm Thị H2 tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 02/LPT-CSHS ngày 15/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ.

Không tiếp tục tiến hành các thủ tục, hồ sơ nhằm chuyển dịch quyền sở hữu và các giao dịch khác có liên quan đến các thửa đất hiện đang đứng tên các bị cáo H2, K1 và H tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo K1 và H không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đắk Nông (2);
- VKSND tỉnh Đắk Nông (1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông (1);
- Công an tỉnh Đắk Nông (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh Đắk Nông (2);
- Bị cáo (3);
- Lưu VP(3), HS(2). 20b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Thụy Vũ**